

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Giáo dục Tiểu học**

Ngành đào tạo : **Giáo dục Tiểu học**  
Primary Education

Mã ngành đào tạo : 7140202

Trình độ đào tạo : Đại học

Loại hình đào tạo : Chính quy

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tiếng Việt : Giáo dục Tiểu học

- Tiếng Anh : Primary Education

*(Ban hành kèm theo quyết định số 2330/QĐ-ĐHSP, ngày 31/8/2018*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)*

### 1. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng nhiệm vụ của giáo viên tiểu học, có khả năng thích ứng với những đổi mới giáo dục ở tiểu học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; có khả năng nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, đáp ứng sự phát triển của giáo dục tiểu học trong những thập kỷ tới.

#### 1.2. Chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về phẩm chất, năng lực

###### 1.2.1.1. Phẩm chất

###### 1.2.1.1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Tuân thủ và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Trách nhiệm đối với Tổ quốc, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

###### 1.2.1.1.2. Phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp

- Trách nhiệm với nghề giáo và thể hiện tinh thần cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

- Đảm bảo tác phong sư phạm.

###### 1.2.1.2. Năng lực chung

###### 1.2.1.2.1. Năng lực tự học

- Tự đánh giá và định hướng được sự phát triển của bản thân.

- Tự học và đánh giá được kết quả hoạt động tự học.

#### ***1.2.1.2.2. Năng lực giao tiếp***

- Sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong giao tiếp hằng ngày và trong hoạt động chuyên môn.
- Sử dụng hiệu quả các phương tiện giao tiếp đa phương thức.

#### ***1.2.1.2.3. Năng lực tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề***

- Phân tích, đánh giá được các thông tin và ý tưởng.
- Phát hiện và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sáng tạo.

#### ***1.2.1.2.4. Năng lực hợp tác***

- Làm việc nhóm, thành lập và quản lý nhóm hiệu quả.
- Tôn trọng sự khác biệt và tìm sự thống nhất qua thảo luận, tranh luận.

#### ***1.2.1.2.5. Năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin***

- Có kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Có kiến thức và kỹ năng tin học đạt trình độ Tin học cơ bản.

### **1.2.1.3. Năng lực chuyên môn**

#### ***1.2.1.3.1. Năng lực vận dụng kiến thức ngữ văn***

- Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ học và Việt ngữ học để mô tả, phân tích các đơn vị, cấu trúc, hiện tượng thông thường của tiếng Việt.
- Vận dụng được kiến thức về văn học để phân tích, đánh giá tác phẩm văn học ở mức độ đơn giản.

#### ***1.2.1.3.2. Năng lực vận dụng kiến thức toán học***

- Vận dụng được kiến thức toán học để phát hiện, phân tích những ý tưởng toán học cơ bản thuộc lĩnh vực số học, hình học, đại số, thống kê mô tả và xác suất cơ bản.
- Vận dụng được kiến thức toán học để mô hình hóa và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống dưới dạng các bài toán có lời văn.

#### ***1.2.1.3.3. Năng lực vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên - xã hội***

- Vận dụng được kiến thức về các lĩnh vực vật lý, sinh học, hóa học, địa lý tự nhiên để phân tích, giải thích những hiện tượng, quy luật cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên.
- Vận dụng được kiến thức về các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, địa lý xã hội để phân tích, giải thích những hiện tượng, quy luật cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học xã hội.

#### ***1.2.1.3.4. Năng lực vận dụng kiến thức thuộc lĩnh vực nghệ thuật và công nghệ***

- Vận dụng được kiến thức về mỹ thuật để trang trí, vẽ tranh đơn giản và đánh giá tác phẩm hội họa thông thường.
- Vận dụng được kiến thức về âm nhạc để hát theo nhạc và đánh giá tác phẩm âm nhạc thông thường.
- Vận dụng được kiến thức về kỹ thuật cơ bản để đánh giá những mô hình kỹ thuật, công nghệ đơn giản

#### **1.2.1.4. Năng lực nghề nghiệp**

##### ***1.2.1.4.1. Năng lực hiểu người học***

- Vận dụng đa dạng, hiệu quả các cách tiếp cận người học; cách thu thập, xử lý thông tin về học sinh tiểu học.
- Hiểu được bản chất của hoạt động học ở tiểu học, các yêu cầu của dạy học và vận dụng phù hợp với từng đối tượng học sinh tiểu học.

##### ***1.2.1.4.2. Năng lực phát triển chương trình; nghiên cứu, thiết kế và thực hành hoạt động dạy học***

- Vận dụng được các lý thuyết phát triển chương trình để thiết kế kế hoạch tổ chức triển khai hoạt động dạy học tích hợp với các nội dung giáo dục ở tiểu học.
- Vận dụng được các lý thuyết về phương pháp dạy học để tổ chức hoạt động triển khai hoạt động giáo dục và dạy học ở tiểu học một cách hiệu quả.
- Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục để thực hiện những nghiên cứu đơn giản phục vụ hoạt động dạy học ở tiểu học hiệu quả.
- Sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học ở trường tiểu học một cách hiệu quả, sáng tạo.

##### ***1.2.1.4.3. Năng lực hiểu môi trường giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục***

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp thu thập, xử lý thông tin về môi trường giáo dục tiểu học để làm chủ môi trường giáo dục.
- Xây dựng môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

##### ***1.2.1.4.4. Năng lực đánh giá***

- Vận dụng hiệu quả cách đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh tiểu học.
- Phân tích kết quả đánh giá, cung cấp thông tin phản hồi cho học sinh tiểu học và những thành phần có liên quan; vận dụng hiệu quả kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học và hỗ trợ, tư vấn cho học sinh tiểu học.

#### **1.2.2. Vị trí, khả năng công tác sau khi tốt nghiệp**

- Giảng dạy hoặc làm công tác tổng phụ trách đội tại các trường tiểu học;
- Tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học và các lĩnh vực có liên quan;
- Chuyên viên phụ trách GDTH ở các Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT;
- Chuyên viên trong các cơ sở nghiên cứu khoa học giáo dục có liên quan về Giáo dục Tiểu học.

#### **1.2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ và:

- Tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo chuyên đề để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Học tập sau đại học tại các trường đại học có đào tạo về chuyên ngành Giáo dục học (Tiểu học) hoặc các chuyên ngành về Giáo dục học trong nước và thế giới.

### 1.3. Thời gian đào tạo: 4 năm

### 1.4. Tổng số tín chỉ toàn khóa

Tổng số tín chỉ cho toàn khóa học là **135** tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (chưa kể các nội dung về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng).

### 1.5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đề án tự chủ tuyển sinh hàng năm của Trường.

### 1.6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

### 1.7. Thang điểm

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

## 2. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Học phần học trước
<b>1. HỌC PHẦN CHUNG</b>			<b>27</b>		
1	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	không	không
2	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		POLI1001
3	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3		POLI1003
4	POLI1903	Pháp luật đại cương	2		POLI1001
5	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	không	không
6		Ngoại ngữ HP 1	4*	Trình độ ngoại ngữ bậc 2/6	
7		Ngoại ngữ HP 2	3*		Ngoại ngữ HP 1
8		Ngoại ngữ HP 3	3*		Ngoại ngữ HP 2
9	TTTH1001	Tin học căn bản	3*	không	không
10	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**	không	không
11		Giáo dục thể chất 2	1**	không	không
12		Giáo dục thể chất 3	1**	không	không
13	MILI2401	Giáo dục Quốc phòng - Học phần I	30 tiết**	không	không
14	MILI2402	Giáo dục Quốc phòng - Học phần II	30 tiết**	không	không

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Học phần học trước
15	MILI2403	Giáo dục Quốc phòng - Học phần III	85 tiết**	không	không
16	MILI2404	Giáo dục Quốc phòng - Học phần IV	20 tiết**	không	không
<b>2. HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN</b>			<b>33</b>		
<b>2.1. Các học phần bắt buộc</b>			<b>27</b>		
17	PRIM1401	Thực hành tiếng Việt	2	không	không
18	PRIM1402	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	không	không
19	PRIM1403	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2	4		PRIM1402
20	PRIM1404	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 3	2		PRIM1403
21	PRIM1405	Văn học thiếu nhi	2	không	không
22	PRIM1406	Cơ sở Toán ở tiểu học 1	2	không	không
23	PRIM1407	Cơ sở Toán ở tiểu học 2	3		PRIM1406
24	PRIM1408	Cơ sở Toán ở tiểu học 3	3		PRIM1407
25	PRIM1409	Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học	3	không	không
26	PRIM1410	Cơ sở Xã hội ở tiểu học	3	không	không
<b>2.2. Các học phần tự chọn (chọn 6 tín chỉ)</b>			<b>6</b>		
<b>Tự chọn nhóm N1 (1 × 2 tín chỉ): chọn 1 trong các học phần sau:</b>					
27	PRIM1431	Văn học nước ngoài ở tiểu học	2	Không	không
28	PRIM1432	Đại cương văn học Việt Nam	2	Không	không
29	PRIM1433	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Không	không
30	PRIM1434	Lịch sử văn minh thế giới	2	Không	không
31	PRIM1531	Lịch sử giáo dục tiểu học	2	Không	không
<b>Tự chọn nhóm N2 (2 × 2 tín chỉ): chọn 2 trong các học phần sau:</b>					
32	PRIM1541	Nhạc lý cơ bản	2	Không	không
33	PRIM1442	Thủ công - Kỹ thuật	2	không	không
34	PRIM1443	Mỹ thuật cơ bản	2	không	không
<b>3. HỌC PHẦN NGHỀ NGHIỆP</b>			<b>69</b>		
<b>3.1. Học phần bắt buộc</b>			<b>51</b>		
<b>3.1.1. Học phần cơ sở chung</b>			<b>9</b>		
35	EDUC1003	Giáo dục học đại cương	2		PSYC1001
36	PRIM1411	Nhập môn nghề giáo (tiểu học)	1	không	không
37	PRIM1412	Tâm lý học tiểu học	2		PSYC1001
38	PRIM1413	Giáo dục học tiểu học	2		EDUC1003
39	PRIM1414	Giao tiếp sư phạm (tiểu học)	2		PSYC1001
<b>3.1.2. Học phần nghề nghiệp chuyên ngành</b>			<b>32</b>		
40	PRIM1415	Sinh lý học học sinh tiểu học	2	không	không
41	PRIM1416	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	2		PRIM1412
42	PRIM1417	Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2		PRIM1413
43	PRIM1418	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 1	3		EDUC1003; PRIM1408
44	PRIM1419	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2	3		PRIM1418

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Học phần học trước
45	PRIM1420	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	4		PRIM1404; PRIM1413
46	PRIM1421	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4		PRIM1420
47	PRIM1422	Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội	4		PRIM1413; PRIM1409; PRIM1410
48	PRIM1423	Lý luận dạy học môn Đạo đức	2		PRIM1413
49	PRIM1424	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2		PRIM1413
50	PRIM1425	Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học	2		PRIM1413
51	PRIM1426	Phát triển chương trình tiểu học	2		PRIM1413
<b>3.1.3. Thực hành nghề nghiệp</b>			<b>10</b>		
52	PRIM1427	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học	2		PRIM1413
53	PRIM1428	Thực tập sư phạm 1	2	PRIM1427 và theo quy chế thực tập của Trường	PRIM1418
54	PRIM1429	Thực tập sư phạm 2	6	PRIM1428 và theo quy chế thực tập của Trường	PRIM1419; PRIM1421
<b>3.2. Các học phần tự chọn</b>			<b>18</b>		
<b>Tự chọn nhóm N3 (2 × 2 tín chỉ): chọn 2 trong các học phần sau:</b>					
55	PRIM1451	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2		PRIM1413
56	PRIM1452	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2		PRIM1413; PRIM1441
57	PRIM1553	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	2		PRIM1413; PRIM1442
58	PRIM1454	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2		PRIM1413; PRIM1443
<b>Tự chọn nhóm N4 (3 × 2 tín chỉ): chọn 3 trong các học phần sau:</b>					
59	PRIM1461	Dạy học Tự nhiên - Xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	2		PRIM1422
60	PRIM1462	Hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học	2		PRIM1413
61	PRIM1463	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	2		PRIM1413
62	PRIM1464	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	2		PRIM1413
63	PRIM1465	Giáo dục hòa nhập ở bậc tiểu học	2		PRIM1413
64	PRIM1466	Tư vấn tâm lý - giáo dục tiểu học	2		PRIM1413
65	PRIM1467	Quản lý ngành giáo dục tiểu học	2		PRIM1413
66	PRIM1561	Thực hành và thí nghiệm trong môn Tự nhiên Xã hội	2		PRIM1422
67	PRIM1562	Giáo dục STEM ở tiểu học	2		PRIM1422
68	PRIM1563	Khởi nghiệp trong giáo dục	2		PRIM1413
<b>Tự chọn nhóm N5 (1 × 2 tín chỉ): chọn 1 trong các học phần sau:</b>					
69	PRIM1471	Phát triển kỹ năng dạy học giải toán có lời văn	2		PRIM1419
70	PRIM1472	Phát triển kỹ năng dạy học hình học ở tiểu học	2		PRIM1419

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết	Học phần học trước
71	PRIM1473	Dạy học cho học sinh tiểu học <b>chưa</b> đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng	2		PRIM1419; PRIM1421
<b>Tự chọn nhóm N6 (3 × 2 tín chỉ): chọn 3 trong các học phần sau:</b>					
72	PRIM1481	Sự phát triển ngôn ngữ ở học sinh tiểu học	2		PRIM1403
73	PRIM1482	Phát triển năng lực dạy học văn miêu tả ở tiểu học	2		PRIM1421
74	PRIM1483	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	2		PRIM1421
75	PRIM1484	Phương pháp dạy học từ Hán Việt ở tiểu học	2		PRIM1421
76	PRIM1485	Phát triển năng lực dạy học tạo lập văn bản ở tiểu học	2		PRIM1421
77	PRIM1486	<b>Phát triển năng lực dạy học văn kể chuyện ở tiểu học</b>	2		PRIM1421
78	PRIM1487	Phương ngữ và dạy học chính tả	2		PRIM1421
79	PRIM1488	Dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2		PRIM1421
80	PRIM1489	Phát triển kỹ năng nghe - nói cho học sinh tiểu học	2		PRIM1421
81	PRIM1581	Phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2		PRIM1421
82	PRIM1582	Thiết kế và tổ chức thực hành bài tập dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2		PRIM1421
<b>4. KHÓA LUẬN, HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP</b>			<b>6</b>		
<b>Lựa chọn 1: Khóa luận tốt nghiệp</b>			6		
83	PRIM1490	Khóa luận tốt nghiệp	6	PRIM1413 và theo quy định hàng năm của khoa	PRIM1419; PRIM1421; PRIM1422
<b>Lựa chọn 2: chọn 2 trong các học phần tốt nghiệp sau:</b>					
84	PRIM1491	Phát triển năng lực dạy - học Toán ở tiểu học	3		PRIM1419
85	PRIM1492	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3		PRIM1421
86	PRIM1493	Phát triển năng lực dạy - học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3		PRIM1422
<b>Tổng cộng</b>			<b>135</b>		

### Ghi chú

\*: Không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và toàn khóa học;

\*\*: Không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và toàn khóa học; Không tính vào tổng số tín chỉ toàn khóa học.

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học không có tín chỉ tự chọn tự do. Tuy nhiên, sinh viên có thể tự nguyện đăng ký và đóng học phí học bất kỳ học phần nào chưa học trong các chương trình đào tạo của Trường. Trường sẽ cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa học cho các học phần được học thêm đó.

### 3. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết (phải đạt)	Học phần học trước	Đơn vị quản lý học phần
1	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**		không	không	K. GDTC
	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5		không	không	K. GDCT
	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2		không	không	K. TLH
	TTTH1001	Tin học căn bản	3*		không	không	TT Tin học
	PRIM1401	Thực hành tiếng Việt	2		không	không	K. GDTH
	PRIM1402	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 1	3		không	không	K. GDTH
	PRIM1406	Cơ sở Toán ở tiểu học 1	2		không	không	K. GDTH
	PRIM1411	Nhập môn nghề giáo (tiểu học)	1		không	không	K. GDTH
	PRIM1415	Sinh lý học học sinh tiểu học	2		không	không	K. GDTH
Tổng số TC			20				
2		Giáo dục thể chất 2	1**	X	không	không	K. GDTC
	POLI1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			POLI1001	K. GDCT
	POLI1903	Pháp luật đại cương	2			POLI1001	K. GDCT
		Ngoại ngữ HP 1	4*	X	Trình độ ngoại ngữ bậc 2/6		Các khoa ngoại ngữ
	EDUC1003	Giáo dục học đại cương	2			PSYC1001	K. KHGD
	PRIM1403	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2	4			PRIM1402	K. GDTH
	PRIM1407	Cơ sở Toán ở tiểu học 2	3			PRIM1406	K. GDTH
	PRIM1412	Tâm lý học tiểu học	2			PSYC1001	K. GDTH
	Tự chọn nhóm N1 (2 tín chỉ): chọn 1 trong các học phần sau:						
	PRIM1431	Văn học nước ngoài ở tiểu học	2	N1	không	không	K. GDTH
	PRIM1432	Đại cương văn học Việt Nam	2	N1	không	không	K. GDTH
	PRIM1433	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	N1	không	không	K. GDTH
	PRIM1434	Lịch sử văn minh thế giới	2	N1	không	không	K. GDTH
	PRIM1531	Lịch sử giáo dục tiểu học	2	N1	không	không	K. GDTH
	Tổng số TC			2			
3		Giáo dục thể chất 3	1**	X	không	không	K. GDTC
	POLI1002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3			POLI1003	K. GDCT
		Ngoại ngữ HP 2	3*	X		Ngoại ngữ HP1	Các khoa ngoại ngữ
	PRIM1404	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 3	2			PRIM1403	K. GDTH
	PRIM1408	Cơ sở Toán ở tiểu học 3	3			PRIM1407	K. GDTH
	PRIM1410	Cơ sở Xã hội ở tiểu học	3		không	không	K. GDTH



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết (phải đạt)	Học phần học trước	Đơn vị quản lý học phần
	PRIM1413	Giáo dục học tiểu học	2			EDUC1003	K. GDTH
	PRIM1414	Giao tiếp sư phạm (tiểu học)	2			PSYC1001	K. GDTH
	<b>Tự chọn nhóm N2 (2× 2 tín chỉ): chọn 2 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1541	Nhạc lý cơ bản	2	N2	không	không	K. GDTH
	PRIM1442	Thủ công - Kỹ thuật	2	N2	không	không	K. GDTH
	PRIM1443	Mỹ thuật cơ bản	2	N2	không	không	K. GDTH
	Cộng số TC		22	4			
4		Ngoại ngữ HP 3	3*	X		Ngoại ngữ HP2	Các khoa ngoại ngữ
	PRIM1405	Văn học thiếu nhi	2		không	không	K. GDTH
	PRIM1409	Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học	3		không	không	K. GDTH
	PRIM1416	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	2			PRIM1412	K. GDTH
	PRIM1417	Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2			PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1418	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 1	3			EDUC1003; PRIM1408	K. GDTH
	PRIM1420	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	4			PRIM1404; PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1427	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học	2			PRIM1413	K. GDTH
	Cộng số TC		21				
5	PRIM1419	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2	3			PRIM1418	K. GDTH
	PRIM1421	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4			PRIM1420	K. GDTH
	PRIM1422	Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội	4			PRIM1409; PRIM1410; PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1423	Lý luận dạy học môn Đạo đức	2			PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1424	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2			PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1425	Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học	2			PRIM1413	K. GDTH
	Cộng số TC		17				
6	PRIM1428	Thực tập sư phạm 1	2		PRIM1427 Theo quy chế thực tập của Trường	PRIM1422	
	<b>Tự chọn nhóm N3 (2 × 2 tín chỉ): chọn 2 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1451	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2	N3		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1452	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2	N3		PRIM1413; PRIM1441	K. GDTH
	PRIM1553	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	2	N3		PRIM1413; PRIM1442	K. GDTH
	PRIM1454	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	N3		PRIM1413; PRIM1443	K. GDTH
	<b>Tự chọn nhóm N4 (3 × 2 tín chỉ): chọn 3 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1461	Dạy học Tự nhiên - Xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	2	N4		PRIM1422	K. GDTH

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết (phải đạt)	Học phần học trước	Đơn vị quản lý học phần
	PRIM1462	Hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1463	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1464	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1465	Giáo dục hòa nhập ở bậc tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1466	Tư vấn tâm lý - giáo dục tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1467	Quản lý ngành Giáo dục Tiểu học	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	PRIM1561	Thực hành và thí nghiệm trong môn Tự nhiên Xã hội	2	N4		PRIM1422	K. GDTH
	PRIM1562	Giáo dục STEM ở tiểu học	2	N4		PRIM1422	K. GDTH
	PRIM1563	Khởi nghiệp trong giáo dục	2	N4		PRIM1413	K. GDTH
	<b>Tự chọn nhóm N5 (1 × 2 tín chỉ): chọn 1 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1471	Phát triển kỹ năng dạy học giải toán có lời văn	2	N5		PRIM1419	K. GDTH
	PRIM1472	Phát triển kỹ năng dạy học hình học ở tiểu học	2	N5		PRIM1419	K. GDTH
	PRIM1473	Dạy học cho học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng ở tiểu học	2	N5		PRIM1419; PRIM1421	K. GDTH
	<b>Cộng số TC</b>		<b>14</b>	<b>12</b>			
7	PRIM1426	Phát triển chương trình tiểu học	2			PRIM1413	K. GDTH
	<b>Tự chọn nhóm N6 (3 × 2 tín chỉ): chọn 3 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1481	Sự phát triển ngôn ngữ ở học sinh tiểu học	2	N6		PRIM1403	K. GDTH
	PRIM1482	Phát triển năng lực dạy học văn miêu tả ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1483	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1484	Phương pháp dạy học từ Hán Việt ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1485	Phát triển năng lực dạy học tạo lập văn bản ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1486	Phát triển năng lực dạy học văn kể chuyện ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1487	Phương ngữ và dạy học chính tả	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1488	Dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1489	Phát triển kỹ năng nghe - nói cho HS tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1581	Phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1582	Thiết kế và tổ chức thực hành bài tập dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	N6		PRIM1421	K. GDTH
	<b>Tự chọn nhóm tốt nghiệp NTN 6 tín chỉ: chọn Khóa luận hoặc 2 trong các học phần sau:</b>						
	PRIM1490	Khóa luận tốt nghiệp	6	NTN	PRIM1413 và theo quy định hàng năm của khoa	PRIM1419; PRIM1421; PRIM1422	K. GDTH

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tự chọn	Học phần tiên quyết (phải đạt)	Học phần học trước	Đơn vị quản lý học phần
	PRIM1491	Phát triển năng lực dạy - học Toán ở tiểu học	3	NTN		PRIM1419	K. GDTH
	PRIM1492	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3	NTN		PRIM1421	K. GDTH
	PRIM1493	Phát triển năng lực dạy - học Tự nhiên-Xã hội ở tiểu học	3	NTN		PRIM1422	K. GDTH
	Cộng số TC		14	12			
8	PRIM1429	Thực tập sư phạm 2	6		PRIM1428 và theo quy chế thực tập của Trường	PRIM1419; PRIM1421	
	Cộng số TC		6				

#### 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

##### 1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

**5 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không.

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### 3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần được ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

##### 4. Pháp luật đại cương

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Nội dung học phần được ban hành theo quyết định số: 1928/QĐTTg, ngày 20/11/2009 về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường.

##### 5. Tâm lý học đại cương

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không.

Học phần gồm những chương cơ bản như sau: Chương 1. Nhập môn Tâm lý học; Chương 2. Hoạt động và giao tiếp; Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý và ý thức; Chương 4. Hoạt động nhận thức; Chương 5. Xúc cảm, tình cảm; Chương 6. Ý chí; Chương 7. Nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách.

Học phần Tâm lý học đại cương giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc điểm của hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý cơ bản của con người (nhận

thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt, giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản, góp phần định hướng cho hoạt động của người học.

## **6. Ngoại ngữ học phần 1**

**4 tín chỉ**

Điều kiện: Sinh viên đã đạt trình độ tương đương bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các kiến thức văn hóa, xã hội nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực giao tiếp cần thiết và có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp hàng ngày ở trình độ trên bậc 2/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## **7. Ngoại ngữ học phần 2**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Ngoại ngữ học phần 1

Học phần này giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp, văn hóa, xã hội và phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng vào xử lý các tình huống giao tiếp thông thường hoặc đặc biệt ở trình độ cận bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## **8. Ngoại ngữ học phần 3**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Ngoại ngữ học phần 2

Học phần này giúp sinh viên củng cố và bổ sung các kiến thức ngôn ngữ, văn hóa, xã hội, phát triển năng lực giao tiếp để có khả năng vận dụng tốt trong việc giải quyết các tình huống giao tiếp ở trình độ bậc 3/6 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

## **9. Tin học căn bản**

**3 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần giúp sinh viên có các kiến thức cơ bản về máy tính (personal computer - PC) và Internet, biết sử dụng và khai thác tài nguyên thông tin trên máy tính phục vụ cho học tập và nghiên cứu.

Giúp sinh viên có khả năng sử dụng một cách cơ bản các công cụ phần mềm văn phòng trong học tập và nghiên cứu, cụ thể là soạn thảo văn bản (như MS Word), bảng tính điện tử (như MS Excel), và thiết kế trình chiếu (như MS Power Point).

## **10. Giáo dục thể chất 1**

**1 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần cung cấp kiến thức rèn luyện thể chất và tập luyện thể thao để giữ gìn sức khỏe. Bồi dưỡng kỹ năng vận động trong cuộc sống thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực và các phương pháp tập luyện, tự tập luyện phát triển thể lực cá nhân (sức bền, sức mạnh, sức nhanh, khéo léo, độ dẻo).

## **11. Giáo dục thể chất 2**

**1 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Thể thao tự chọn cơ bản. Người học chọn 1 trong các môn thể thao sau: Bóng chuyền; Cầu lông; Aerobic; Bóng rổ; Bơi lội; Bóng đá; Đá cầu; Võ thuật; Khiêu vũ.

Tổ chức tập luyện các kỹ thuật cơ bản và cung cấp kiến thức của các môn thể thao tự chọn. Rèn luyện các bài tập thể lực chung nhằm nâng cao sức khỏe và bước đầu hướng dẫn tập luyện một số bài tập thể lực chuyên môn hỗ trợ cho môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.

## **12. Giáo dục thể chất 3**

**1 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không.

Thể thao tự chọn nâng cao. Người học chọn 1 trong các môn thể thao sau: Bóng chuyền; Cầu lông; Aerobic; Bóng rổ; Bơi lội; Bóng đá; Đá cầu; Võ thuật; Khiêu vũ.

Tổ chức tập luyện các kỹ thuật nâng cao của môn thể thao tự chọn. Tăng khả năng phối hợp vận động, lượng vận động trong thể lực chung và thể lực chuyên môn thông qua các bài tập thể lực đa dạng, chuyên biệt. Bước đầu làm quen các hình thức và luật thi đấu của các môn thể thao mà người học đã lựa chọn tập luyện.

## **13. Giáo dục Quốc phòng - Học phần I**

**30 tiết**

Học phần học trước: không.

Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại; Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam... để giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

## **14. Giáo dục Quốc phòng - Học phần II**

**30 tiết**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam... giúp người học phân tích được những vấn đề thuộc về lĩnh vực quốc phòng và an ninh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc.

## **15. Giáo dục Quốc phòng - Học phần III**

**85 tiết**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; ba môn quân sự phối hợp; trung đội bộ binh tiến công; trung đội bộ binh bộ binh phòng ngự; kỹ thuật bắn súng ngắn K54. Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.

## **16. Giáo dục Quốc phòng - Học phần IV**

**20 tiết**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng; Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng; Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng;...

## **17. Thực hành Tiếng Việt**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về: quy tắc mẹo luật chính tả; cách thức sử dụng từ ngữ, viết câu, đoạn; cách thức tóm tắt tài liệu khoa học, tổng thuật tài liệu khoa học, trình bày thư mục, chú thích khoa học, soạn thảo văn bản hành chính thông dụng. Qua đó, phát triển và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học như phát hiện và phòng tránh lỗi diễn đạt; tóm tắt, tổng thuật tài liệu khoa học; soạn thảo văn bản hành chính thông dụng; có thể vận dụng để chữa lỗi diễn đạt cho học sinh tiểu học.

## **18. Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 1**

**3 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và hình thành các năng lực sử dụng kiến thức về:

a. Ngữ âm học: Bản chất ngữ âm, sự phân tích ngữ âm, các khái niệm cơ sở (âm tiết, âm vị, âm tố, biến thể,...); Ngữ âm tiếng Việt hiện đại: đặc điểm, âm tiết, hệ thống âm vị, chính âm và chính tả. Trên cơ sở các kiến thức về ngữ âm và ngữ âm tiếng Việt hiện đại, SV biết định hướng và biết sử dụng các kiến thức đã có để có thể vận dụng vào việc dạy đọc, viết (chính tả), nghe nói tiếng Việt cho HS tiểu học một cách hiệu quả.

b. Từ vựng học: từ, đơn vị cấu tạo từ, phương thức cấu tạo từ; Từ vựng tiếng Việt hiện đại: đặc điểm, cấu tạo từ tiếng Việt (đơn vị cấu tạo, các kiểu cấu tạo, các kiểu từ xét theo cấu tạo); nghĩa của từ (các thành tố nghĩa, các kiểu nghĩa, quy luật biến đổi nghĩa, trường nghĩa), các lớp từ xét theo ngữ nghĩa, theo nguồn gốc và theo phạm vi sử dụng.

Trên nền tảng kiến thức về từ vựng và từ vựng tiếng Việt hiện đại, SV biết định hướng tích lũy kiến thức để vận dụng vào việc dạy học các kiến thức về từ ngữ, giúp HS tiểu học mở rộng từ, nâng cao năng lực sử dụng từ ngữ...

## **19. Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2**

**4 tín chỉ**

Học phần học trước: Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 1.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt hiện đại, như: ý nghĩa ngữ pháp, phạm trù từ vựng - ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp, loại hình và phương thức ngữ pháp của tiếng Việt hiện đại; từ loại tiếng Việt; cụm từ chính phụ; câu, cấu trúc cú pháp, phân loại câu; cấu trúc đoạn văn, văn bản, liên kết trong văn bản; vấn đề từ loại, cụm từ, câu, ngữ pháp văn bản trong chương trình và sách giáo khoa môn Tiếng

Việt bậc tiểu học. Từ đó, người học biết cách vận dụng các kiến thức về ngữ pháp tiếng Việt vào việc dạy học Bộ môn Tiếng Việt, nhất là dạy học viết câu, đoạn, văn bản cho học sinh tiểu học.

## **20. Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 3**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần trang bị cho người học các vấn đề về phong cách học tiếng Việt hiện đại như: khái niệm phong cách học; phân loại văn bản tiếng Việt theo phong cách chức năng ngôn ngữ và hành động ngôn từ; các phương tiện và biện pháp tu từ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Từ đó, người học biết cách vận dụng các lý thuyết phong cách học vào việc dạy học Bộ môn Tiếng Việt, đặc biệt là Tập đọc và Tập làm văn ở nhà trường tiểu học.

## **21. Văn học thiếu nhi**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần giúp người học có những hiểu biết cơ bản về Văn học thiếu nhi: đặc trưng; vai trò, ý nghĩa, chức năng của văn học thiếu nhi; một số tác giả, tác phẩm văn học thiếu nhi nổi tiếng trong và ngoài nước; các thể loại; văn học thiếu nhi trong chương trình và sách giáo khoa tiểu học. Trên cơ sở những hiểu biết đó, người học nắm được mối liên hệ giữa Văn học thiếu nhi và các loại hình văn học khác, giải thích được những đặc trưng loại thể của Văn học thiếu nhi trong nhà trường tiểu học. Đồng thời, người học có khả năng vận dụng những hiểu biết vào việc giảng dạy các nội dung, tác phẩm văn học thiếu nhi cho học sinh tiểu học.

## **22. Cơ sở Toán ở tiểu học 1**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần bao gồm các kiến thức nền tảng của toán học: lý thuyết tập hợp (chú ý mô tả trực quan qua giản đồ Venn), các loại ánh xạ (chú trọng đến vấn đề tương quan hàm số), quan hệ hai ngôi trong toán học (chủ yếu trên các tập hợp số), phép suy luận và logic mệnh đề, một số phương pháp suy luận và chứng minh toán học, ... qua đó phát triển năng lực tư duy và giao tiếp toán học cho người học như xây dựng lập luận, phát hiện và diễn đạt các ý tưởng toán học, ...

## **23. Cơ sở Toán ở tiểu học 2**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Cơ sở Toán ở tiểu học 1.

Phần thứ nhất bao gồm các kiến thức về cấu trúc, tiến trình xây dựng các hệ thống số cơ bản ( $N$ ,  $Z$ ,  $Q$ ,  $R$ ) và phép toán; mở đầu về lý thuyết số: lý thuyết chia hết trong  $N$  và  $Z$ , số nguyên tố, ước số, bội số, mô hình dành cho số nguyên, số hữu tỷ, ... qua đó hình thành hiểu biết cho người học về tiến trình xây dựng hệ thống số, tính chất của các con số; hình thành và phát triển một số kỹ năng và tư duy toán học như tính toán số học, xây dựng mô hình, so sánh, tổng quát hóa, đối xứng hóa, ...

Phần thứ hai cung cấp các kiến thức về thống kê cơ bản: biến, thu thập và trình bày dữ liệu, các loại biểu đồ, xu thế, đường fit, mô tả và phân tích dữ liệu, thiết kế mẫu, dự báo và mô phỏng, các loại phân bố; từ đó sinh viên biết cách thức thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu,

nắm được ý nghĩa của những thuật ngữ thống kê, hiểu được giá trị của thống kê đối với nghiên cứu khoa học cũng như đối với đời sống thực tiễn.

#### **24. Cơ sở Toán ở tiểu học 3**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Cơ sở Toán ở tiểu học 2.

Học phần cung cấp các kiến thức về một số tri thức toán học về đại số và hình học sơ cấp, đại lượng đo lường và đo đặc, làm cơ sở cho việc giảng dạy toán ở tiểu học: biểu thức đại số; phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; đa giác; khối đa diện; hình tròn và hình cầu., ... qua đó hình thành tư duy đại số, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng phương pháp đại số, phát triển trí tưởng tượng về không gian và tư duy hình học, hiểu biết về hệ thống đo lường và cách thức áp dụng trong giảng dạy toán ở tiểu học.

#### **25. Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học**

**3 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần giúp người học có được kiến thức cơ bản về Vật lý (Thiên văn, Vật chất, Năng lượng) và Sinh học (giới sinh vật, sinh học động vật, sinh học thực vật) có liên quan trực tiếp đến nội dung học tập môn Tự nhiên – Xã hội và các hoạt động giáo dục khác ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học có năng lực và ý thức trong việc phát triển năng lực khoa học và giáo dục cho học sinh tiểu học.

#### **26. Cơ sở Xã hội ở tiểu học**

**3 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về các tổ chức và hoạt động cơ bản, các giá trị sống của con người, một số di sản văn hóa của nhân loại; lịch sử xây dựng, gìn giữ, phát triển của đất nước và dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để nhận diện, giải thích, đánh giá một số tổ chức và hoạt động cần thiết của con người trong xã hội ngày nay để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục ở tiểu học.

#### **27. Văn học nước ngoài ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần khái quát về văn học nước ngoài dành cho thiếu nhi đồng thời khảo sát, nhận diện mảng sáng tác này trong chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt ở cấp tiểu học hiện hành của Việt Nam, qua đó giúp người học có được những tri thức, kỹ năng cần thiết, sát hợp trong đánh giá và giảng dạy văn học nước ngoài cho học sinh tiểu học.

#### **28. Đại cương văn học Việt Nam**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Người học có những hiểu biết bao quát về: Văn học dân gian Việt Nam; Văn học viết Việt Nam; Một số tác phẩm văn học Việt Nam có trong chương trình tiểu học. Từ đó, người học có khả năng cảm thụ văn học; cảm thụ được cái hay, cái đẹp của tiếng mẹ đẻ và vận dụng chúng vào việc dạy các bài đọc, kể cho học sinh tiểu học trong tương lai.

#### **29. Cơ sở văn hóa Việt Nam**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không



Người học có những hiểu biết về văn hóa và Văn hóa học; văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể và cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ những hiểu biết này, người học nâng cao nhận thức về bản chất của con người, dân tộc và những thành quả vật chất- tinh thần do cha ông truyền lại cho đời sau. Đồng thời, người học cũng có sự tự định hướng để vận dụng những hiểu biết này vào quá trình dạy học.

### **30. Lịch sử văn minh thế giới**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần trình bày hệ thống những kiến thức đại cương về văn minh nhân loại và những nét độc đáo trong các nền văn minh phương Đông và phương Tây. Qua đó, giúp người học sinh biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những di sản văn hóa, văn minh của nhân loại và của dân tộc và làm cơ sở cho việc nắm vững và tiếp thu những môn học khác đặc biệt là nhóm môn khoa học xã hội.

### **31. Lịch sử giáo dục tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử giáo dục tiểu học ở Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới, qua đó giúp người học nhận thấy được sự phát triển cũng như tầm quan trọng của giáo dục tiểu học đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Học phần còn cung cấp những kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục tiểu học ở một số nước phương Đông và phương Tây để từ đó người học có thể vận dụng vào thực tiễn giáo dục Việt Nam.

### **32. Nhạc lý cơ bản**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Nội dung của học phần là các kiến thức về âm nhạc cơ bản, gồm: Âm thanh và âm nhạc; Nhịp; Quãng; Dấu hóa - Giọng; Thang âm và Điệu thức; Hợp âm - cách thành lập hợp âm; Xướng âm một số ca khúc dành cho học sinh tiểu học (có tiết tấu, cao độ đơn giản). Trên cơ sở đó, người học vận dụng để tiếp cận, đánh giá và thực hành các kỹ năng liên quan trên những tác phẩm âm nhạc cụ thể.

### **33. Thủ công - Kỹ thuật**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Kỹ thuật tạo hình bằng giấy, bìa (xé dán hình, gấp hình, cắt dán giấy, phối hợp gấp cắt dán giấy, đan nan bằng bìa, làm đồ chơi bằng vật liệu dễ kiếm); kỹ thuật phục vụ (cắt vải, khâu, thêu, lắp ráp mô hình kỹ thuật). Từ đó, người học có thể vận dụng vào việc thiết kế đồ dùng dạy học ở tiểu học.

### **34. Mỹ thuật cơ bản**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mỹ thuật: nguồn gốc mỹ thuật, nền mỹ thuật Thế giới - Việt Nam và mỹ thuật trong cuộc sống con người; những hiểu biết về ngôn ngữ đặc trưng, nguyên lý thị giác, trang trí và phương pháp sáng tác, trang trí. Trên cơ sở đó,

người học vận dụng để thiết kế đồ dùng dạy học, hỗ trợ giảng dạy và đánh giá tác phẩm hội họa thông thường.

### **35. Giáo dục học đại cương**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương.

Học phần Giáo dục học đại cương nhằm hình thành và phát triển cho sinh viên sư phạm, chuyên viên quản lý giáo dục hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các vấn đề cơ bản về cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho người học khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kỹ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất nhân cách cho học sinh phổ thông.

### **36. Nhập môn nghề giáo (tiểu học)**

**1 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần nhằm giới thiệu cho người học bản chất, đặc trưng của nghề giáo ở tiểu học; tính chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo viên tiểu học, đặc điểm lao động, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó giúp người học xác định những mặt mạnh và mặt yếu của bản thân, định hướng, quyết định việc học tập và tu dưỡng bản thân theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.

### **37. Tâm lý học tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương.

Học phần giúp người học hiểu cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục học sinh tiểu học, bao gồm: Đặc điểm sự phát triển tâm lý của học sinh tiểu học, cơ sở tâm lý của hoạt động học tập và giáo dục đạo đức học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, người học tìm hiểu, nhận diện, phân biệt, giải thích các hiện tượng tâm lý cơ bản của học sinh tiểu học trong thực tế, qua đó xác định hướng tác động phù hợp khi tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh tiểu học.

### **38. Giáo dục học tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học đại cương.

Học phần giúp người học có hiểu biết về một số quan điểm giáo dục tiên tiến và năng lực vận dụng vào thực tế giáo dục ở trường tiểu học. Học phần cũng đưa đến cho người học các vấn đề về chương trình và tổ chức nhà trường tiểu học, xây dựng môi trường giáo dục ở trường tiểu học; thiết kế giảng dạy và các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; công tác chủ nhiệm lớp ở tiểu học. Từ đó, giúp người học phân tích, lý giải và tạo lập các hoạt động giáo dục ở nhà trường tiểu học.

### **39. Giao tiếp sư phạm (tiểu học)**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Tâm lý học đại cương.

Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức lý luận về giao tiếp (nguyên tắc, phong cách, phương tiện và kỹ năng giao tiếp) khi tiến hành các hoạt động sư phạm ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để tổ chức hoặc giải quyết hiệu quả các tình huống giao

tiếp với học sinh tiểu học và các đối tượng khác trong quá trình công tác, góp phần xây dựng văn hóa giao tiếp trong nhà trường tiểu học.

#### **40. Sinh lý học học sinh tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết/học trước: không

Học phần bao gồm hệ thống tri thức khoa học cơ bản về khoa học sinh lý lứa tuổi tiểu học, cụ thể: sự sinh trưởng và phát triển, hệ thần kinh, cơ quan phân tích, bộ máy vận động, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ bài tiết, hệ sinh dục, hệ nội tiết, sự trao đổi chất và năng lượng, hoạt động thần kinh cấp cao. Trên cơ sở đó giúp người học phân tích, đánh giá mức độ phát triển sinh lý trẻ cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tế dạy học và giáo dục học sinh tiểu học.

#### **41. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Tâm lý học tiểu học.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học: đặt câu hỏi nghiên cứu, thiết lập mục tiêu nghiên cứu, cách thức viết đề cương nghiên cứu, soạn phiếu điều tra, thu thập dữ liệu, vận dụng kiến thức thống kê để phân tích dữ liệu; biết trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học,... Qua đó hình thành cho người học tư duy khoa học, kỹ năng nghiên cứu khoa học, tăng hiểu biết và giáo dục lòng yêu nghề đối với ngành giáo dục tiểu học, biết cách vận dụng các kỹ năng vào việc học tập các học phần khác ở đại học cũng như giúp ích cho việc giảng dạy sau này ở bậc tiểu học.

#### **42. Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần cung cấp tri thức về hoạt **động trải nghiệm và giáo dục kỹ năng sống ở tiểu học. Từ những hiểu biết đó, người học có khả năng thiết kế và tổ chức** những hoạt động trải nghiệm thông qua bốn nhóm hình thức: hình thức có tính khám phá; hình thức có tính thể nghiệm, tương tác; hình thức có tính củng cố; hình thức có tính nghiên cứu, phân hóa. Song song đó, người học biết tổ chức các loại hoạt động chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.

#### **43. Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 1**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học đại cương, Cơ sở Toán ở tiểu học 3.

Học phần gồm những tri thức cơ bản về lý luận và các phương pháp dạy học toán ở tiểu học, chương trình, sách giáo khoa, cách soạn kế hoạch dạy học, kiểm tra đánh giá. Người học có thể vận dụng hiểu biết về chương trình, sách giáo khoa Toán và các phương pháp dạy học toán để thiết kế một kế hoạch dạy học, thực hiện một vài tiết dạy, xây dựng một số câu hỏi kiểm tra đánh giá.

#### **44. Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 1.

Học phần giúp người học thực hành soạn thảo kế hoạch dạy học, giảng dạy các nội dung cơ bản về Số học, Đại số, Hình học, Toán có lời văn, Đại lượng, Thống kê. Từ đó, người học hình thành quy trình dạy học các nội dung cơ bản trong chương trình Toán tiểu học, phát triển năng lực phân tích chương trình, sách giáo khoa, vận dụng các phương pháp dạy học trong môn Toán.

#### **45. Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1**

**4 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học, Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 3.

Học phần bao gồm những kiến thức chung về Lý luận dạy học Tiếng Việt và Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học: Khái quát về bộ môn Lý luận dạy học Tiếng Việt; Các cơ sở khoa học của dạy học Tiếng Việt; Chương trình và các tài liệu dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Các phương tiện dạy học Tiếng Việt ở tiểu học và Thiết kế bài dạy môn Tiếng Việt ở tiểu học. Đây là các kiến thức nền tảng, là các kỹ năng cơ bản và quan trọng để người học phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần cũng bao gồm các kiến thức, kỹ năng, cách thức tổ chức dạy học Học văn ở tiểu học.

#### **46. Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2**

**4 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.

Học phần “Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2” bao gồm các kiến thức, kỹ năng và phương pháp hình thành và phát triển năng lực dạy học đọc, nghe, nói và viết ở tiểu học cho người học. Từ việc nắm bắt những khó khăn và thuận lợi của học sinh tiểu học (HSTH) khi học đọc, nghe, nói, viết, người học tiến hành tìm hiểu các kiến thức về dạy học đọc, nghe, nói, viết, xem đó là cơ sở nền tảng để giúp họ triển khai một cách có ý thức trong việc phát triển năng lực đọc, nghe, nói, viết cho HSTH. Phương pháp phát triển năng lực đọc, nghe, nói, viết cho HSTH là nội dung quan trọng của từng chương, giúp người học vận dụng những hiểu biết và các kỹ năng đã rèn luyện để thực hiện tốt những nhiệm vụ của mình trong dạy học Tiếng Việt ở TH nhằm phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt cho HSTH theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông và mục tiêu của Chương trình môn Ngữ văn (dành cho cấp tiểu học).

#### **47. Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội**

**4 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học, Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học, Cơ sở Xã hội ở tiểu học.

Học phần giúp người học có kiến thức về: mục tiêu, nội dung chương trình môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học; phương tiện, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học và việc đánh giá trong dạy học môn Tự nhiên - Xã hội; mục đích, ý nghĩa, nguyên tắc và cách thức soạn kế hoạch dạy học. Trên cơ sở đó, người học được hình thành và phát triển năng lực phân tích nội dung chương trình; lựa chọn phương tiện, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng học sinh để xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá.

#### **48. Lý luận dạy học môn Đạo đức**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần giúp người học có một số kiến thức cơ bản về đạo đức nói chung và các kiến thức chuyên sâu về dạy học môn Đạo đức ở tiểu học: Mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức ở tiểu học; Phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học thực hành kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học cũng như đánh giá hoạt động học tập môn Đạo đức của học sinh tiểu học.

#### **49. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở tiểu học; giới thiệu một số ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học. Qua đó người học sử dụng được phần mềm Power Point trong thiết kế và thực hiện các bài dạy ở tiểu học, xử lý phim ảnh, sử dụng bảng tương tác và tích hợp công nghệ thông tin vào bài dạy.

#### **50. Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần nhằm hình thành ở người học năng lực đánh giá hoạt động học tập của học sinh tiểu học trong phạm vi một lớp học: hiểu biết tổng quan về đánh giá hoạt động học tập, hình thành và phát triển những quan điểm lý luận về đánh giá hoạt động học tập của học sinh theo hướng phát triển năng lực; cách liên kết giữa dạy học và đánh giá, làm cho các hoạt động đánh giá thực sự là phần quan trọng trong việc thúc đẩy học sinh học tập và phát triển cũng như trở thành công cụ không thể thiếu trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục.

#### **51. Phát triển chương trình tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về chương trình môn học tiểu học: quan điểm, mục tiêu, cách thức xây dựng và phát triển chương trình học; giới thiệu một số chương trình trên thế giới trong sự so sánh với chương trình tiểu học hiện hành. Qua việc phân tích chương trình kết hợp với các tài liệu dạy học như sách giáo khoa, sách tham khảo, người học thảo luận các ý tưởng, biết thiết kế kế hoạch dạy học và phát triển các tài liệu dạy học theo chương trình.

#### **52. Nghiệp vụ sư phạm tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần tạo cơ hội cho người học: Hiểu và biết cách phối hợp các kỹ năng dạy học cơ bản: Đọc (thành tiếng) các thể loại văn bản phù hợp đối tượng học sinh tiểu học; Viết: mẫu chữ tiểu học, trình bày bảng; Nói: diễn đạt một vấn đề, đặt câu hỏi, kể chuyện; Sử dụng đồ dùng dạy học khi dạy học; Hiểu ý nghĩa của môi trường đối với việc giáo dục học sinh đồng thời biết cách xây dựng môi trường học tập tích cực và thực hành vận dụng chúng; Hiểu các mô hình tổ chức quản lý lớp học và thực hành vận dụng chúng.

### **53. Thực tập sư phạm 1**

**2 tín chỉ**

Học phần tiên quyết: Nghiệp vụ sư phạm tiểu học.

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán 1

Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế thực tập của Trường

Giáo sinh thực hành các hoạt động tìm hiểu thực tế giáo dục ở các địa phương; quan sát, thảo luận, đánh giá giờ dạy mẫu của giáo viên, các hoạt động chuẩn bị dạy các tiết học, đánh giá kết quả học tập, quan sát việc tổ chức cho học sinh tự học, học nhóm; đánh giá, rút kinh nghiệm các giờ đã dự, các hoạt động giáo dục đã tham quan và quan sát; quan sát các buổi sinh hoạt tập thể, quan sát các hoạt động giáo dục, quan sát các hoạt động ngoài giờ lên lớp, làm bài tập thu hoạch; thực tập giảng dạy một số tiết và chủ động điều khiển một số sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động ngoài giờ lên lớp.

### **54. Thực tập sư phạm 2**

**6 tín chỉ**

Học phần tiên quyết: Thực tập sư phạm 1.

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2 và Lý luận dạy học tiếng Việt ở tiểu học 2.

Điều kiện tiên quyết: Theo quy chế thực tập của Trường

Các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở tiểu học như sau: chuẩn bị thực tập sư phạm; lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức cho giáo sinh tìm hiểu thực tế giáo dục, nghiên cứu khoa học giáo dục, chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; thực hiện việc dự giờ, quan sát các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện, rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục. Các hoạt động lên lớp dạy học và rút kinh nghiệm các giờ dạy; tổ chức các hoạt động giáo dục và rút kinh nghiệm các hoạt động đã thực hiện; hoàn thành bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

### **55. Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản liên quan đến giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học: mục đích, nội dung, các nguyên tắc, hình thức tổ chức, phương tiện và phương pháp giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học. Trên cơ sở đó, người học có khả năng lựa chọn các nội dung, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp để xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất cho học sinh ở trường tiểu học.

### **56. Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học, Âm nhạc.

Thông qua học phần, sinh viên được trang bị một số kiến thức và kỹ năng: Xướng âm một bài hát, bản nhạc; Phương pháp thực hiện bài hát; **Dạy học Âm nhạc ở trường Tiểu học với các phương pháp dạy học hát, tập đọc nhạc, âm nhạc thường thức theo chương trình môn học; Tiếp cận một số phương pháp dạy học âm nhạc tiên tiến của giáo dục âm nhạc thế giới như Kodály, Orff Schulwerk, Dalcroze...**

**57. Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học, Thủ công - Kỹ thuật, **Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học**

Học phần **cung cấp cho sinh viên những kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, công cụ đánh giá kết quả học tập môn Tin học và Công nghệ; thực hành** thiết kế tiến trình dạy học bài học, **tổ chức hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực công nghệ, tin học cho học sinh tiểu học.**

**58. Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học, Mỹ thuật cơ bản.

Học phần bao gồm một số kiến thức chung về chương trình, sách giáo khoa mỹ thuật ở tiểu học, về phương pháp giảng dạy mỹ thuật ở trường tiểu học, cách thiết kế bài dạy mỹ thuật ở tiểu học. Trên cơ sở đó, người học biết cách vận dụng vào việc thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học môn Mỹ thuật ở tiểu học.

**59. Dạy học Tự nhiên - Xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức nền tảng về thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học theo phương pháp “Bàn tay nặn bột” (LAMAP). Trên cơ sở đó, người học có khả năng xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy học khoa học thực nghiệm trong môn Tự nhiên - Xã hội.

**60. Hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ở trường tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận công tác Đội TNTP HCM. Trên cơ sở đó, người học tập luyện để hình thành và phát triển năng lực tổ chức, hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học.

**61. Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giới tính. Trên cơ sở đó giúp sinh viên xây dựng được những nội dung cơ bản để giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Vận dụng được những kiến thức về giáo dục giới tính để dạy học nội dung “Con người và sức khỏe” trong Khoa học lớp 5 và thiết kế được một số nội dung giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong các buổi ngoại khóa.

**62. Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về môi trường và an toàn thực phẩm. Trên cơ sở đó giúp người học thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với học sinh tiểu học.

### **63. Giáo dục hoà nhập ở bậc tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần giúp người học có những hiểu biết cơ bản về giáo dục hòa nhập: các quan điểm giáo dục hòa nhập; các mô hình giáo dục hòa nhập; nguyên tắc, quy trình, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học hòa nhập cho học sinh tiểu học có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Học phần cũng giới thiệu những đặc trưng cơ bản của một số dạng khuyết tật và phương pháp hỗ trợ cho học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong môi trường giáo dục hoà nhập ở trường tiểu học; giúp người học có khả năng lập kế hoạch và thực thi các hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh tiểu học có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

### **64. Tư vấn tâm lý - giáo dục tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần giúp người học có hiểu biết cơ bản về tư vấn tâm lý: khái niệm tư vấn tâm lý, các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà tư vấn tâm lý, các hình thức tư vấn tâm lý giáo dục; Các lĩnh vực cơ bản trong tư vấn tâm lý giáo dục; Một số kỹ năng cần thiết trong tư vấn tâm lý giáo dục. Trên cơ sở đó, người học xác định ưu và nhược điểm của người giáo viên tiểu học nói chung và bản thân nói riêng trong công tác tư vấn tâm lý giáo dục tiểu học; thực hành một số kỹ năng tư vấn.

### **65. Quản lý ngành giáo dục tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần bao gồm hệ thống tri thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý hành chính nhà nước (QLHCNN) và quản lý ngành GDTH, đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục, Luật giáo dục, những điều lệ, quy định, quy chế về giáo dục & đào tạo,... làm cơ sở cho người học vận dụng vào công tác giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong thực tiễn trường tiểu học.

### **66. Thực hành và thí nghiệm trong môn Tự nhiên Xã hội**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội.

Học phần giúp người học có được kiến thức về tổ chức thực hành và thí nghiệm về các chủ đề có liên quan trực tiếp đến nội dung học tập môn Tự nhiên – Xã hội. Trên cơ sở đó, người học xây dựng và tổ chức các hoạt động dạy để phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên, tìm hiểu xã hội và đặc biệt năng lực tự chủ cho học sinh tiểu học theo định hướng tiếp cận năng lực của chương trình giáo dục phổ thông mới.

### **67. Giáo dục STEM ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về mô hình giáo dục STEM; phân tích và phát triển các hoạt động STEM nhằm khơi gợi đam mê, giúp học sinh tiếp thu tốt hơn trong các môn học STEM và theo đuổi các ngành nghề có liên quan đến lĩnh vực STEM. Đồng thời học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học tích hợp các môn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh tiểu học.



## **68. Khởi nghiệp trong giáo dục**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Giáo dục học tiểu học.

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết về khởi nghiệp và khởi nghiệp trong giáo dục, nghiên cứu một số mô hình khởi nghiệp, thảo luận về một số ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực giáo dục, qua đó giúp người học hiểu được tinh thần khởi nghiệp, tầm quan trọng của khởi nghiệp trong giáo dục đối với lợi ích cộng đồng, hiểu được cách tổ chức và điều kiện vận hành một dự án khởi nghiệp, biết cách lập kế hoạch khởi nghiệp trong giáo dục, từ đó giúp tăng tỷ lệ thành công của các dự án sáng tạo và khởi nghiệp.

## **69. Phát triển kỹ năng dạy học giải toán có lời văn**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2.

Học phần nhằm phát triển những kỹ năng trong dạy học giải toán có lời văn cho học sinh tiểu học thông qua việc nghiên cứu các phương pháp giải các bài toán điển hình ở tiểu học, thảo luận về các khó khăn của học sinh trong giải toán có lời văn, cách thức áp dụng mô hình Polya và một số phương pháp hỗ trợ học sinh học tốt phần giải toán có lời văn. Thông qua học phần này, người học biết cách ra đề giải toán có lời văn sao cho thiết thực và gần gũi với học sinh; đồng thời biết cách tạo hứng thú và tìm kiếm được mối liên hệ giữa toán học và thực tiễn, hướng tới phát triển các năng lực toán học cho học sinh (năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực sử dụng các phương tiện học toán).

## **70. Phát triển kỹ năng dạy học hình học ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2.

Các dạng toán hình học ở tiểu học; Rèn luyện kỹ năng dạy học hình học ở tiểu học: dạy học điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, đặc điểm hình, phân tích và tổng hợp hình. Qua đó, người học có khả năng thiết kế các bài tập, hoạt động nhằm phát triển tư duy và trí tưởng tượng hình học cho học sinh tiểu học.

## **71. Dạy học cho học sinh tiểu học chưa đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2; Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Học phần bao gồm các kiến thức, kỹ năng về dạy học cho học sinh **tiểu học chưa** đạt chuẩn: nhận biết những biểu hiện của học sinh trung bình yếu, biện pháp chung để giúp đỡ học sinh;

Đối với môn Toán, người học sẽ biết cách đánh giá, lựa chọn kiến thức, cách thức tiến hành dạy học đối với học sinh trung bình yếu môn Toán cho phần Số học và Hình học, cách thức áp dụng mô hình của Polya trong dạy học, trò chơi dạy học Toán và một số biện pháp giúp đỡ học sinh có biểu hiện mất tập trung.

Đối với môn Tiếng Việt, người học sẽ biết cách nhận diện, đánh giá học sinh có khó khăn về đọc, viết; cách tổ chức dạy học hỗ trợ đọc, viết; biên soạn bài tập đọc, viết giúp học sinh tiến bộ hơn.

**72. Sự phát triển ngôn ngữ ở học sinh tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2

Học phần cung cấp kiến thức về: Quá trình phát triển của các phương diện ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa của học sinh tiểu học; những đặc trưng của quá trình tiếp thu và sản sinh phát ngôn của học sinh tiểu học; sự hình thành và phát triển các cấu trúc nền tảng thuộc các cấp độ ngữ âm, ngữ nghĩa, cú pháp trong hoạt động lời nói của học sinh tiểu học; phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để phát triển ngôn ngữ cho học sinh tiểu học.

**73. Phát triển năng lực dạy học văn miêu tả ở tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Học phần phát triển năng lực dạy học văn miêu tả ở tiểu học cho người học qua việc giúp người học có hiểu biết chuyên sâu về miêu tả, văn miêu tả, nội dung văn miêu tả ở bậc tiểu học; giúp người học nắm được và có khả năng vận dụng những hiểu biết về quy trình, phương pháp, mô hình dạy học hình thành và phát triển năng lực miêu tả cho học sinh tiểu học; cách thức đánh giá năng lực miêu tả của học sinh tiểu học; cách thức tích hợp dạy học văn miêu tả với dạy học các phân môn Tiếng Việt và các môn học khác ở trường tiểu học.

**74. Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Học phần “Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học” bao quát một số kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp dạy học sinh tiểu học cảm thụ tác phẩm văn học. Quá trình lĩnh hội kiến thức này giúp sinh viên phân tích và suy nghĩ một cách có hiệu quả về những kinh nghiệm mà họ có thể đưa đến cho học sinh trong quá trình giúp học sinh cảm thụ tác phẩm văn học. Từ đó, người học hướng tới giáo dục cho trẻ thơ lòng yêu cái đẹp của tiếng mẹ đẻ. Đặc biệt, từ nội dung và kiến thức môn học, sinh viên có khả năng để xây dựng kế hoạch dạy học, triển khai dạy học, quản lý lớp học, đánh giá kết quả học tập của học sinh khi cảm thụ tác phẩm văn học.

**75. Phương pháp dạy học từ Hán Việt ở tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về từ ngữ Hán Việt có tính nâng cao và chuyên sâu. Cung cấp những tri thức, phương pháp thao tác cần thiết để nhận diện, hiểu đúng và dùng đúng lớp từ này. Hướng dẫn sinh viên những kỹ năng và phương pháp dạy học từ ngữ Hán Việt cần thiết ở bậc tiểu học.

**76. Phát triển năng lực dạy học tạo lập văn bản ở tiểu học****2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần giúp người học có hiểu biết chuyên sâu về tính chỉnh thể, tính mạch lạc, tính thông tin, tính đa phương thức của văn bản; các thể loại văn bản viết ở tiểu học. Đồng thời học phần giúp người học nắm được và có khả năng vận dụng được quy trình, phương pháp hướng dẫn học sinh tiểu học tạo lập văn bản, như hình thành chủ đề, xây dựng và phát triển chủ đề, sắp xếp bố cục; sử dụng từ ngữ, kiểu câu, biện pháp tu từ, lập luận, và sử dụng các

yếu tố phi ngôn ngữ trong việc tạo lập văn bản thuộc các thể loại: tự sự, miêu tả, hướng dẫn, thuyết minh, biểu cảm; cách thức đánh giá kỹ năng tạo lập văn bản của học sinh tiểu học.

### **77. Phát triển năng lực dạy học học văn kể chuyện ở tiểu học** **2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần bao gồm các nội dung: Lý thuyết về văn kể chuyện; Văn kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học hiện hành; cách thức kể một câu chuyện theo định hướng giao tiếp; **các kỹ năng cần rèn luyện để hình thành năng lực kể chuyện. Người học kết hợp với sự hiểu biết về quy trình dạy một thể loại văn, các phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học để thiết kế các bài dạy theo hướng hình thành năng lực kể chuyện cho học sinh tiểu học. người học được hướng dẫn và tổ chức dạy thử theo thiết kế bài dạy để được rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, hình thành nên năng lực dạy học nội dung này.**

### **78. Phương ngữ và dạy học chính tả** **2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần trình bày các vùng phương ngữ, xác định vai trò của phương ngữ trong mối quan hệ với chính tả, từ đó phân tích hệ thống ngữ âm chuẩn và những vấn đề hữu quan. Trên cơ sở phân tích những phần mang tính chất nguyên tắc của dạy học Bộ môn, việc dạy học chính tả theo đặc điểm phương ngữ sẽ được nhấn mạnh trong nội dung chuyên đề này.

### **79. Dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số** **2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần giúp người học hình thành và phát triển năng lực dạy học môn Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số ở bậc tiểu học qua việc giúp người học nắm được bản chất quá trình HS tiểu học các dân tộc thiểu số lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai – ngôn ngữ quốc gia; nguyên tắc, quy trình, hình thức tổ chức, phương pháp phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số; cách thức đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt của HS dân tộc thiểu số; cách thức tích hợp dạy học môn Tiếng Việt với các môn học khác ở trường tiểu học.

### **80. Phát triển kỹ năng nghe - nói cho học sinh tiểu học** **2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về năng lực nghe và nói cần hình thành và phát triển cho học sinh tiểu học, các phương pháp và mô hình dạy học giúp hình thành và phát triển năng lực nghe-nói, trong đó chú trọng đến việc sử dụng mô hình show-and-tell; cách thức đánh giá, cũng như khả năng tích hợp việc rèn luyện kỹ năng nghe - nói vào các hoạt động học tập khác cho học sinh tiểu học.

### **81. Phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần phát triển năng lực thiết kế và sử dụng phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học cho người học thông qua việc giúp họ có hiểu biết chuyên sâu về phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học và dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (vai trò, thực tế sử dụng, các loại), nắm vững các nguyên tắc thiết kế, quy trình thiết kế, từ đó

có kỹ năng thiết kế và sử dụng các phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực giao tiếp cho học sinh tiểu học.

## **82. Thiết kế và tổ chức thực hành bài tập dạy học Tiếng Việt ở tiểu học**

**2 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần phát triển năng lực thiết kế và tổ chức thực hành bài tập dạy học Tiếng Việt ở tiểu học cho người học qua việc giúp người học có hiểu biết chuyên sâu về bài tập, cách thức thiết kế bài tập với vai trò là ngữ liệu dạy học; giúp người học nắm được và có khả năng vận dụng những hiểu biết về quy trình, phương pháp, mô hình tổ chức thực hành bài tập Tiếng Việt cho học sinh tiểu học; cách thức đánh giá năng lực giải bài tập và vận dụng kết quả thực hành bài tập vào giao tiếp của học sinh tiểu học.

## **83. Khoa luận tốt nghiệp**

**6 tín chỉ**

Học phần tiên quyết: Giáo dục học tiểu học.

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2; Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2; Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội.

Điều kiện tiên quyết: Theo quy định hàng năm của Khoa.

## **84. Phát triển năng lực dạy - học Toán ở tiểu học**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2.

Dựa trên chương trình giáo dục phổ thông môn Toán bậc tiểu học và hệ thống phẩm chất, năng lực toán học cần trang bị cho học sinh, học phần sẽ trang bị cho người học cách thức tổ chức dạy học Toán cho học sinh tiểu học theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực. Học phần còn giúp người học phát triển các ý tưởng dạy học Toán, các trò chơi học toán; thảo luận, lý giải trong những tình huống phát sinh trong quá trình dạy học; tìm hiểu, đánh giá và tìm cách giảm thiểu những sai lầm của học sinh, từ đó áp dụng vào việc cải tiến quá trình dạy học môn Toán.

## **85. Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2.

Học phần phát triển năng lực dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học cho người học từ góc độ ứng dụng lý thuyết ngữ nghĩa học, ngữ dụng học: ngữ nghĩa học từ vựng, ngữ nghĩa học cú pháp, ngữ dụng học và ứng dụng trong dạy học phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ, năng lực giao tiếp đa phương thức cho học sinh tiểu học. Đồng thời, học phần giúp người học phát triển khả năng đánh giá năng lực đọc hiểu, năng lực tạo lập văn bản và năng lực nghe - nói của học sinh.

## **86. Phát triển năng lực dạy - học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học**

**3 tín chỉ**

Học phần học trước: Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về giáo dục dựa trên năng lực, kiến thức về các thành tố năng lực sư phạm trong dạy học TN – XH ở tiểu học. Qua đó hình thành tư duy giảng dạy TN – XH theo mô hình hiện đại, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội - đào tạo nhân

lực có năng lực làm việc. Thêm vào đó, học phần cung cấp một số cách thức để phát triển những kỹ năng dạy học TN – XH ở tiểu học.

## 5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
1	POLI1001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	5	Khoa GDCT		X	
2	POLI1002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa GDCT		X	
3	POLI1003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa GDCT		X	
4	POLI1903	Pháp luật đại cương	2	Khoa GDCT		X	
5	PSYC1001	Tâm lý học đại cương	2	Khoa TLH		X	
6		Ngoại ngữ HP 1	4*	Các khoa ngoại ngữ		X	
7		Ngoại ngữ HP 2	3*	Các khoa ngoại ngữ		X	
8		Ngoại ngữ HP 3	3*	Các khoa ngoại ngữ		X	
9	TTTH1001	Tin học căn bản	3*	Trung tâm Tin học		X	
10	PHYL2401	Giáo dục thể chất 1	1**	Khoa GDTC		X	
11		Giáo dục thể chất 2	1**	Khoa GDTC		X	
12		Giáo dục thể chất 3	1**	Khoa GDTC		X	
13	MILI2401	Giáo dục Quốc phòng - Học phần I	30 tiết**	Khoa GDQP		X	
14	MILI2402	Giáo dục Quốc phòng - Học phần II	30 tiết**	Khoa GDQP		X	
15	MILI2403	Giáo dục Quốc phòng - Học phần III	85 tiết**	Khoa GDQP		X	
16	MILI2404	Giáo dục Quốc phòng - Học phần IV	20 tiết**	Khoa GDQP		X	
17	PRIM1401	Thực hành tiếng Việt	2	PGS.TS. GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha Phạm Hải Lê	Ngôn ngữ Ngữ văn	X X	
18	PRIM1402	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha ThS. Lê Văn Trung TS. Vũ Thị Ân	Ngôn ngữ	X X X	
19	PRIM1403	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 2	4	PGS.TS. GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha ThS. Lê Văn Trung	Ngôn ngữ	X X	
20	PRIM1404	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học 3	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha Phạm Hải Lê	Ngôn ngữ Ngữ văn	X X	
21	PRIM1405	Văn học thiếu nhi	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Phạm Hải Lê	Văn học Ngữ văn	X X	
22	PRIM1406	Cơ sở Toán ở tiểu học 1	2	TS. Phan Lê ThS.GVC. Trần Hoàng ThS. Nguyễn Ngọc Trọng	Toán học	X X	X
23	PRIM1407	Cơ sở Toán ở tiểu học 2	3	TS. Phan Lê ThS.GVC. Trần Hoàng ThS. Nguyễn Ngọc Trọng	Toán học	X X	X
24	PRIM1408	Cơ sở Toán ở tiểu học 3	3	TS. Phan Lê ThS.GVC. Trần Hoàng ThS. Nguyễn Ngọc Trọng	Toán học	X X	X

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
25	PRIM1409	Cơ sở Tự nhiên ở tiểu học	3	TS.GVC. Nguyễn Minh Giang ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước TS. Ngô Thị Phương	Sinh học PPDH Vật lý Vật lý	X X X	
26	PRIM1410	Cơ sở Xã hội ở tiểu học	3	TS. Nguyễn Lương Hải Khôi TS. Phạm Thị Bình ThS. Ngô Sỹ Tráng ThS. Đặng Ngọc Hân ThS.GVC. Đỗ Thị Nga	LLVH Địa lý Lịch sử GD Tiểu học QLGD	X X X X	X
27	PRIM1431	Văn học nước ngoài ở tiểu học	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Phạm Hải Lê	Văn học Ngữ văn	X X	
28	PRIM1432	Đại cương văn học Việt Nam	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy Phạm Hải Lê	Văn học Ngữ văn	X X	
29	PRIM1433	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	TS. GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy ThS. Ngô Sỹ Tráng	Văn học Lịch sử	X X	
30	PRIM1434	Lịch sử văn minh thế giới	2	TS.GVC. Trịnh Tiến Thuận ThS. Phạm Chung Thủy	Lịch sử	X X	
31	PRIM1531	Lịch sử giáo dục tiểu học	2	TS.GVC. Dương Minh Thành ThS. Nguyễn Thị Thu	Toán học GDTH	X X	
32	PRIM1541	Nhạc lý cơ bản	2	Ngô Quang Dũng ThS.GVC. Hồ Ngọc Khải ThS. Nguyễn Anh Trường ThS. Nguyễn Lê Tú Uyên	Âm nhạc PPDH Âm nhạc Âm nhạc PPDH Âm nhạc	X X X X	
33	PRIM1442	Thủ công - Kỹ thuật	2	ThS. Nguyễn Thị Nguyên An ThS. Phạm Thùy Trang	SPKT	X X	
34	PRIM1443	Mỹ thuật cơ bản	2	ThS. Lê Tổng Ngọc Anh ThS. Võ Trường Linh	Mỹ thuật	X X	
35	EDUC1003	Giáo dục học đại cương	2	Khoa KHGD		X	
36	PRIM1411	Nhập môn nghề giáo (tiểu học)	1	ThS. Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Nguyễn Thị Thu NGƯT. Võ Ngọc Thu ThS. Lê Thanh Hải ThS.GVC. Đỗ Thị Nga	GDTH GDTH GDTH GD học QL Giáo dục	X X	X X X
37	PRIM1412	Tâm lý học tiểu học	2	ThS. Nguyễn Thị Thu PGS.TS.GVCC. Trần Thị Thu Mai	GDTH TLH	X X	
38	PRIM1413	Giáo dục học tiểu học	2	ThS. Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Nguyễn Thị Thu	GDTH	X X	
39	PRIM1414	Giao tiếp sư phạm (tiểu học)	2	ThS. Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Nguyễn Thị Thu NGƯT. Võ Ngọc Thu ThS. Lê Thanh Hải	GDTH GDTH GDTH GD học	X X	X X
40	PRIM1415	Sinh lý học học sinh tiểu học	2	TS.GVC. Nguyễn Minh Giang TS. Nguyễn Thị Thương Huyền	Sinh học	X X	
41	PRIM1416	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Dương Minh Thành	Ngôn ngữ Toán học	X X	
42	PRIM1417	Hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	2	ThS. Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Phạm Phương Anh	GDTH	X X	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
43	PRIM1418	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 1	3	ThS.GVC. Trần Đức Thuận ThS. Nguyễn Ngọc Đan	PPDH Toán PPDH Toán	X X	
44	PRIM1419	Lý luận dạy học Toán ở tiểu học 2	3	ThS.GVC. Trần Đức Thuận ThS. Nguyễn Ngọc Đan	PPDH Toán PPDH Toán	X X	
45	PRIM1420	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	4	PGS.TS.GVCC. Hoàng Thị Tuyết TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	GD học PPDH Tiếng Việt GDTH	X X	X
46	PRIM1421	Lý luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	4	PGS.TS.GVCC. Hoàng Thị Tuyết TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	GD học PPDH Tiếng Việt GDTH	X X	X
47	PRIM1422	Lý luận dạy học Tự nhiên - Xã hội	4	ThS.GVC. Đỗ Thị Nga ThS. Phạm Phương Anh ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước	QLGD GDTH PPDH Vật lý	X X	X
48	PRIM1423	Lý luận dạy học môn Đạo đức	2	ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Phạm Phương Anh ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	GDTH	X X X	
49	PRIM1424	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	ThS. Phạm Phương Anh ThS.GVC. Trần Đức Thuận	GDTH PPDH Toán	X X	
50	PRIM1425	Đánh giá hoạt động học tập ở tiểu học	2	ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	GDTH	X X	
51	PRIM1426	Phát triển chương trình tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Dương Minh Thành ThS.Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Nguyễn Thị Thu	Ngôn ngữ Toán học GDTH GDTH	X X X X	
52	PRIM1427	Nghiệp vụ sư phạm tiểu học	2	ThS. Lê Ngọc Tường Khanh ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Phạm Phương Anh	GDTH	X X X	
53	PRIM1428	Thực tập sư phạm 1	2	Khoa GDTH		X	
54	PRIM1429	Thực tập sư phạm 2	6	Khoa GDTH		X	
55	PRIM1451	Phương pháp dạy học Thể dục ở tiểu học	2	ThS. Trần Thanh Dũng ThS. Phan Thành Lễ	GDTC	X X	
56	PRIM1452	Phương pháp dạy học Âm nhạc ở tiểu học	2	ThS. Nguyễn Anh Trường ThS. Nguyễn Lê Tú Uyên	Âm nhạc Âm nhạc	X X	
57	PRIM1553	Phương pháp dạy học Tin học và Công nghệ ở tiểu học	2	ThS. Nguyễn Thị Nguyên An ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước	SPKT PPDH Vật lý	X X	
58	PRIM1454	Phương pháp dạy học Mỹ thuật ở tiểu học	2	ThS. Lê Tổng Ngọc Anh ThS. Võ Trường Linh	Mỹ thuật	X X	
59	PRIM1461	Dạy học Tự nhiên - Xã hội bằng phương pháp Bàn tay nặn bột	2	ThS.GVC. Đỗ Thị Nga ThS. Phạm Phương Anh ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước	QLGD GDTH PPDH Vật lý	X X	X
60	PRIM1462	Hoạt động Đội TNTP HCM ở trường tiểu học	2	ThS. Trần Thanh Dũng ThS. Phương Diễm Hương	GDTC QLGD	X X	
61	PRIM1463	Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	2	TS.GVC. Nguyễn Minh Giang ThS.GVC. Đỗ Thị Nga	Sinh học QLGD	X	X

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
62	PRIM1464	Giáo dục môi trường và vệ sinh, an toàn thực phẩm cho học sinh tiểu học	2	TS.GVC. Nguyễn Minh Giang ThS. Đào Thị Minh Tâm	Sinh học Sinh lý người bệnh học	X X	
63	PRIM1465	Giáo dục hòa nhập ở bậc tiểu học	2	TS. Lê Thị Minh Hà ThS. Hoàng Thị Nga	GDH QLGD	X X	
64	PRIM1466	Tư vấn tâm lý - giáo dục tiểu học	2	ThS. Nguyễn Thị Thu ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	GDTH	X X	
65	PRIM1467	Quản lý ngành giáo dục tiểu học	2	NGƯT. Võ Ngọc Thu ThS. Lê Thanh Hải	GDTH GD học		X X
66	PRIM1561	Thực hành và thí nghiệm trong môn Tự nhiên Xã hội	2	TS.GVC. Nguyễn Minh Giang ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước TS. Ngô Thị Phương	Sinh học PPDH Vật lý Vật lý	X X X	
67	PRIM1562	Giáo dục STEM ở tiểu học	2	ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước TS. Ngô Thị Phương ThS. Phạm Phương Anh	PPDH Vật lý Vật lý GDTH	X X X	
68	PRIM1563	Khởi nghiệp trong giáo dục	2	TS. Nguyễn Thanh Tùng TS.GVC. Dương Minh Thành TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển	QLGD Toán học PPDH Tiếng Việt	X X	X
69	PRIM1471	Phát triển kỹ năng dạy học giải toán có lời văn	2	ThS. GVC. Trần Đức Thuận ThS. Nguyễn Ngọc Đan TS.GVC. Dương Minh Thành	PPDH Toán PPDH Toán Toán học	X X X	
70	PRIM1472	Phát triển kỹ năng dạy học hình học ở tiểu học	2	ThS.GVC. Trần Đức Thuận TS.GVC. Dương Minh Thành	PPDH Toán Toán học	X X	
71	PRIM1473	Dạy học cho học sinh tiểu học chưa đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Dương Minh Thành	Ngôn ngữ Toán học	X X	
72	PRIM1481	Sự phát triển ngôn ngữ ở học sinh tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển TS. Vũ Thị Ân	Ngôn ngữ PPDH Tiếng Việt Ngôn ngữ	X X X	
73	PRIM1482	Phát triển năng lực dạy học văn miêu tả ở tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển  ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	Ngôn ngữ PPDH Tiếng Việt GDTH	X X X	
74	PRIM1483	Phát triển kỹ năng dạy học tiếp nhận tác phẩm văn học	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy PGS.TS.GVCC. Bùi Thanh Truyền	Văn học	X X	
75	PRIM1484	Phương pháp dạy học từ Hán Việt ở tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS. Vũ Thị Ân ThS. Lê Văn Trung	Ngôn ngữ	X X	X
76	PRIM1485	Phát triển năng lực dạy học tạo lập văn bản ở tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân Yển	Ngôn ngữ PPDH Tiếng Việt	X X	
77	PRIM1486	Phát triển năng lực dạy học văn kể chuyện ở tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Thu Thủy ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	Ngôn ngữ Văn học GDTH	X X	



STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Họ và tên giảng viên (*) (bao gồm học hàm, học vị)	Chuyên môn	Đơn vị công tác	
						1	2
78	PRIM1487	Phương ngữ và dạy học chính tả	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân YẾN  ThS. Lê Ngọc Tường Khanh <b>ThS. Trương Thị Thu Vân</b>	Ngôn ngữ PPDH Tiếng Việt GDTH Văn học NN	X X  X	   X
79	PRIM1488	Dạy học môn Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	Ngôn ngữ GDTH	X X	
80	PRIM1489	Phát triển kỹ năng nghe - nói cho học sinh tiểu học	2	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân YẾN ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	Ngôn ngữ PPDH Tiếng Việt GDTH	X X X	
81	PRIM1581	Phương tiện giao tiếp đa phương thức trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	TS.GVC. Nguyễn Thị Xuân YẾN ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	PPDH Tiếng Việt GDTH	X X	
82	PRIM1582	Thiết kế và tổ chức thực hành bài tập dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	TS.GVC Nguyễn Thị Xuân YẾN ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	PPDH Tiếng Việt GDTH	X X	
83	PRIM1490	Khóa luận tốt nghiệp	6	Khoa GDTH		X	X
84	PRIM1491	Phát triển năng lực dạy - học Toán ở tiểu học	3	TS.GVC. Dương Minh Thành ThS.GVC. Trần Đức Thuận ThS.GVC. Trần Hoàng	Toán học PPDH Toán Toán học	X X	 X
85	PRIM1492	Phát triển năng lực dạy - học Tiếng Việt ở tiểu học	3	PGS.TS.GVCC. Nguyễn Thị Ly Kha ThS. Lê Ngọc Tường Khanh	Ngôn ngữ GDTH	X X	
86	PRIM1493	Phát triển năng lực dạy - học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học	3	ThS.GVC. Đỗ Thị Nga ThS. Phạm Phương Anh ThS. Nguyễn Lâm Hữu Phước TS. Ngô Thị Phương	QLGD GDTH PPDH Vật lý Vật lý	 X X X	   X

**Ghi chú:** Đơn vị công tác: 1-Trong Trường; 2-Ngoài Trường.

## 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY - HỌC TẬP

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có:

- 01 Hội trường B với sức chứa hơn 800 người, đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, các hoạt động học tập, sinh hoạt chính trị, phổ biến quy chế, tổ chức các buổi tiếp nhận ý kiến đóng góp và giải đáp thắc mắc của sinh viên, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ của viên chức, sinh viên.
- 01 Nhà thi đấu Thể dục thể thao với sức chứa gần 500 người, đáp ứng nhu cầu học tập, tập luyện, thi đấu thể dục thể thao của viên chức, sinh viên.
- Hơn 10 Giảng đường lớn, phù hợp với việc tổ chức giảng dạy nhiều học phần lý thuyết, tổ chức sinh hoạt sinh viên, thi nghiệp vụ sư phạm.
- Nhiều phòng học với sức chứa trung bình 50 người/phòng, đáp ứng việc tổ chức giảng dạy và tổ chức thi các học phần.

- 01 phòng đàn với khoảng 30 đàn organ, phục vụ cho việc tổ chức dạy học các học phần Âm nhạc.
- Nhiều phòng máy vi tính hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập Công nghệ thông tin.
- Nhiều phòng lab hiện đại đáp ứng nhu cầu học tập Ngoại ngữ.
- Hệ thống mạng internet phủ toàn trường, phát wifi miễn phí cho người học truy cập mạng, đăng ký, học tập trực tuyến qua các thiết bị cá nhân.
- Hầu hết các phòng học lý thuyết đều được trang bị hệ thống âm thanh, máy vi tính, projector, màn chiếu hiện đại/bảng tương tác.
- Trung tâm Tin học, Trung tâm Ngoại ngữ, Tổ Nữ công của Trường thường xuyên cập nhật chương trình, có chế độ miễn giảm học phí, khuyến khích người học học tập.
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có hàng chục nghìn đầu sách, giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; không chỉ kết nối, liên kết với hệ thống thư viện toàn quốc mà còn hợp tác với thư viện của nhiều trường đại học ở nước ngoài.
- Trung tâm Giáo dục trẻ khuyết tật Thuận An là một trong những địa chỉ phù hợp để sinh viên quan sát, thực hành công tác giáo dục hòa nhập.
- Khoa Giáo dục Tiểu học lưu trữ hàng trăm khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án; cập nhật các tài liệu chuyên ngành mới; có các đồ dùng, thiết bị dạy học ở trường tiểu học.

## **7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **7.1. Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ. Vì vậy:**

- Giảng viên phải cung cấp đề cương chi tiết học phần kèm theo hình thức tổ chức dạy và học, cách thức đánh giá cho sinh viên ngay buổi học đầu tiên.
- Sinh viên cần tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong học tập và rèn luyện, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập, tham khảo thêm các tài liệu học tập khác bên cạnh bài giảng của giảng viên và giáo trình.
- Sinh viên được miễn học phần Tin học căn bản nếu có chứng chỉ Tin học căn bản hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Sinh viên được miễn các học phần ngoại ngữ nếu có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

### **7.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:**

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.
- Tinh giản lý thuyết, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tăng cường thực hành, làm việc nhóm, thường xuyên hỏi đáp, thảo luận, thuyết trình, tranh luận, phản biện.
- Tăng cường kết hợp giữa dạy học trên lớp với việc tạo cơ hội cho người học trải nghiệm và giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- Tập dượt và rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học cho người học, dần hình thành phương pháp làm việc khoa học.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong các hoạt động dạy-học (máy tính, tài nguyên internet, giáo dục từ xa, học tập trực tuyến, ...)
- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...